

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2025

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh.

Ông Dương Văn Sinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 236/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã N, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền giao nhận văn bản: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quyết T, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng.

- **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971; Đều có địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Hải Phòng.

Người được ông B, bà H1 ủy quyền giao nhận văn bản: Anh Nguyễn Văn Lộc, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn Trâm Kiều, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng.

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1966; Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Quyết T được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Hải Phòng) vào ngày 28/3/2011. Trong quá trình chung sống, chị và anh T có thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên càng về sau, vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều tranh cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến nay, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu và ngày càng trở nên xa cách. Chị và anh T đã nhiều lần nói chuyện với nhau tìm tiếng nói chung nhưng không thành, không đi đến kết quả. Bản thân chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau nữa. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quyết T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Ngọc Yến N1, sinh ngày 16/6/2016 hiện đang ở với ông bà ngoại là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1 tại thôn P, xã N, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Phương T2, sinh ngày 29/6/2012 hiện đang ở với ông bà nội là ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị T1 tại thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị làm việc tại Đài Loan, chị đề nghị Tòa án tạm giao các con chung cho bố mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn L thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1 (là bố mẹ đẻ chị H) trình bày:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quyết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/3/2011. Trong quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được vài năm đầu. Càng về sau, vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều tranh cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Gia đình đã nhiều lần nói chuyện, hòa

giải nhưng không thành. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T thì ông bà đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Yến N1 sinh ngày 16/6/2016 hiện đang ở chung với ông bà tại thôn P, xã N, thành phố Hải Phòng và cháu Nguyễn Phương T2 sinh ngày 29/6/2012 hiện đang ở chung với ông bà nội là ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị T1 tại thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng.

Nay anh T và chị H ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu hoặc theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Tòa án giao các cháu cho chị H nuôi dưỡng, ông bà đồng ý tạm thời trực tiếp nuôi dưỡng các cháu trong thời gian chị H sinh sống và làm việc tại Đài Loan.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông B và bà H1 ủy quyền cho anh Nguyễn Văn L thay ông bà giao nhận tài liệu tại Tòa án đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị T1 (là bố mẹ đẻ anh T) trình bày: Anh Nguyễn Quyết T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng ông bà. Trong quá trình chung sống, đến năm 2018 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị H đi Đài Loan, 03 tháng sau anh T cũng đi làm ăn xa. Từ khi đi đến nay, anh chị gần như không liên lạc về nhà. Chị H không liên lạc gì với ông bà, nếu về Việt Nam cũng chỉ về nhà bố mẹ đẻ nên ông bà không biết. Anh T từ khi đi thì có về nhà 01 lần, lần đó anh T nói là làm ở miền Nam. Từ khi anh chị đi thì cháu Nguyễn Ngọc Yến N1 ở với ông bà ngoại, cháu Nguyễn Phương T2 ở với ông bà nội. Ông bà không biết rõ mâu thuẫn giữa anh chị là gì. Nay chị H xin ly hôn anh T, bản thân ông bà không muốn các con phải ly hôn nhưng nếu chị H đã kiên quyết thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Yến N1 sinh ngày 16/6/2016 và Nguyễn Phương T2 sinh ngày 29/6/2012. Hiện cháu Nguyễn Phương T2 đang ở với ông bà, cháu Nguyễn Ngọc Yến N1 ở với ông bà ngoại. Anh T có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Phương T2 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh T và chị H ly hôn và Tòa án giao cho anh T nuôi cháu T2 thì ông bà tạo điều kiện mọi mặt về nơi ăn chốn ở cũng như điều kiện sinh hoạt, ăn học của cháu. Bản thân cháu T2 ở với ông bà từ nhỏ, năm cháu học lớp 1 bố mẹ cháu đi làm ăn xa thì cháu vẫn ở với ông bà cho đến nay. Bản thân ông bà làm nghề nông, cũng có điều kiện, thời gian để nuôi các cháu. Cháu Nguyễn Ngọc Yến N1 thì ở với ông bà ngoại từ nhỏ đến nay. Nếu Tòa án giao cháu N1 cho chị H và ông bà ngoại nuôi thì ông bà cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản gì.

Ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T hiện nay nên không cung cấp cho Tòa án. Ông bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ giao, thông báo lại cho anh T. Trong thời gian anh T không có nhà thì ông bà sẽ có trách nhiệm trông nom, nuôi dạy cháu T2 giúp anh T. Ông N và bà T1 cũng đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông bà.

** Cháu Nguyễn Ngọc Yến N1 trình bày:* Cháu là con đẻ của bố Nguyễn Quyết T và mẹ Nguyễn Thị H. Hiện nay cháu đã biết bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn tại Tòa án. Trong thời gian sống chung, bố mẹ cháu thường xuyên cãi nhau do có nhiều mâu thuẫn. Nếu bố mẹ cháu không ở được với nhau nữa thì cháu xin được ở với mẹ Nguyễn Thị H vì mẹ chăm sóc cháu nhiều hơn.

** Cháu Nguyễn Phương T2 trình bày:* Cháu là con của bố Nguyễn Quyết T và mẹ Nguyễn Thị H, cháu được biết bố mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Nếu bố mẹ cháu không ở với nhau nữa thì cháu xin ở với bố và ông bà nội vì cháu đã ở với bố và ông bà nội từ nhỏ đến nay, ngoài ra nhà ông bà nội cũng ở gần trường học nên rất thuận tiện cho việc đi lại.

** Người được chị H, ông B và bà H1 ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng anh Nguyễn Văn L trình bày:* Anh đồng ý nhận ủy quyền của chị H, ông B và bà H1 về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án, sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, anh đã thông báo cho chị H, ông B và bà H1 biết, chị H, ông B và bà H1 vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh T đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa phương, đến năm 2018 thì chị H đi nước ngoài, anh T đi làm ăn xa, từ đó đến nay gần như không về nhà. Hiện tại chị H vẫn đang ở nước ngoài, anh T thì thoáng mới về nhà, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Nay chị H có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 3885/PA08-Đ1 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng thể hiện: Trường hợp Nguyễn Quyết T có thông tin xuất cảnh gần nhất ngày 24/02/2013 bằng hộ chiếu B7375525 qua cửa khẩu sân bay Quốc tế N2, chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; các Điều

227; 228, 238 BLTTDS; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Quyết T; Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phương T2, sinh ngày 29/6/2012 cho anh Nguyễn Quyết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm giao cháu T2 cho ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị T1 là bố mẹ đẻ anh T chăm sóc trong thời gian anh N đi làm ăn xa; Giao cháu Nguyễn Ngọc yển N1, sinh ngày 16/6/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm giao cháu N1 cho ông Nguyễn Văn B bà Nguyễn Thị H1 là bố mẹ đẻ chị H chăm sóc trong thời gian chị H đi làm ăn xa. Chấp nhận sự tự nguyện của anh chị về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: không đề nghị giải quyết; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Quyết T. Bị đơn anh Nguyễn Quyết T có nơi đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng, hiện anh đang đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, thông tin xuất nhập cảnh thể hiện anh T đã xuất cảnh vào ngày 24/02/2013 và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tòa án đã đề nghị gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bố mẹ đẻ của anh T để gia đình thông báo cho anh T biết. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị H, ông B, bà H1, ông N, bà T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quyết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng) vào ngày 28/3/2011 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị H và những người làm chứng xác định: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên xa cách. Từ khi chị H đi lao động ở nước ngoài vào năm 2018, anh T đi làm ăn xa thì vợ chồng ly thân mỗi người ở một nơi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ đó đến nay, chị H và anh T cũng không về nhà, không còn liên lạc.

Gia đình anh T xác định vẫn liên lạc với anh nhưng không biết địa chỉ cụ thể của anh T nên không cung cấp cho Tòa án được, anh T cũng không gửi lời khai thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Quyết T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quyết T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Yến N1 sinh ngày 16/6/2016 và cháu Nguyễn Phương T2 sinh ngày 29/6/2012. Hiện tại cháu Nguyễn Ngọc Yến N1 đang ở chung với ông bà ngoại là ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H1 tại thôn P, xã N, thành phố Hải Phòng; Cháu Nguyễn Phương T2 đang ở chung với ông bà nội là ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị T1 tại thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng.

Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Theo lời khai của ông N, bà T1 là bố mẹ đẻ của anh T thì anh T có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Nguyễn Phương T2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc Yến N1 và Nguyễn Phương T2. Nguyện vọng của cháu N1 là tiếp tục được sống cùng với mẹ và ông bà ngoại, nguyện vọng của cháu T2 là tiếp tục được sống với bố và ông bà nội. Lý do được các cháu trình bày là đã sinh sống ổn định cùng người đang trực tiếp chăm sóc từ nhỏ đến nay, quen với môi trường sống hiện tại. Nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị H và anh T là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ.

Để đảm bảo sự ổn định của các con chung trong cuộc sống và sinh hoạt, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là Nguyễn Ngọc Yến N1 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Phương T2 cho anh Nguyễn Quyết T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do hiện tại chị H đang ở nước ngoài, anh T đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương (thông xin xuất nhập cảnh thể hiện anh T đang ở nước ngoài) nên tạm giao cháu Nguyễn Ngọc Yến N1 cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H1 (là ông bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm giao cháu Nguyễn Phương T2 cho ông Nguyễn Văn N, và Phạm Thị T1 (là ông bà nội) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H, anh T trở về Việt Nam.

Do chị H và anh T mỗi người nuôi dưỡng một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Quyết T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Yến N1 sinh ngày 16/6/2016 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Nguyễn Phương T2 sinh ngày 29/6/2012 cho anh Nguyễn Quyết T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Tạm giao cháu Nguyễn Ngọc Yến N1 cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H1 (là ông bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm giao cháu Nguyễn Phương T2 cho ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị T1 (là ông bà nội) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H, anh T về Việt Nam.

Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Quyết T đều được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0003288 ngày 08 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành

phố Hải Phòng (do anh Nguyễn Văn L nộp thay). Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông B, bà H1, ông N, bà T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND xã A, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Anh